| | |
|---|---|
| **TÒA ÁN NHÂN DÂN**<br>**HUYỆN DUYÊN HẢI**<br>**TỈNH TRÀ VINH** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**<br>**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: 62/2023/QĐST-HNGĐ | *Duyên Hải, ngày 23 tháng 8 năm 2023* |

# QUYẾT ĐỊNH
# CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 268/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2020, giữa:

*Nguyên đơn:* Anh Kim Chanl T, sinh năm 1980
Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

*Bị đơn:* Chị Thạch Thị Si Đ, sinh năm 1982
Địa chỉ: Ấp B, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Anh Lý Phi R, sinh năm 1976
Người đại diện theo ủy quyền: Chị Kim Thị Sô P, sinh năm 1983 (Theo văn bản ủy quyền ngày 14/6/2023)
Cùng địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.
Chị Lâm Thị Cẩm N, sinh năm 1979
Địa chỉ: ấp C, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.
Chị Thạch Thị V, sinh năm 1985
Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 59, 81 và 82 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2023,

## XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2023 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

## QUYẾT ĐỊNH:

**1.** Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Kim Chanl T và chị Thạch Thị Si Đ.

**2.** Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

**Về con chung:** có 03 người con chung tên:

- Kim Xuân Tuyết Nh, sinh ngày 24/3/2004 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Kim Xuân Tuyết N, sinh ngày 11/3/2010 hiện đang sống với anh Chanl T và cháu có nguyện vọng được ở với cha nên chị Si Đ và anh Chanl Th thống nhất giao cho anh Chanl Th tiếp tục nuôi dưỡng, chị Si Đ không phải cấp dưỡng.

- Kim Xuân Đăng A, sinh ngày 19/11/2019 hiện do chị Si Đ đang nuôi dưỡng, chị và anh Chanl Th thỏa thuận thống nhất giao cháu Đăng A cho chị Si Đ tiếp tục nuôi dưỡng, anh Chanl T không phải cấp dưỡng.

Không bên nào được ngăn cản việc trông nom, chăm sóc, giáo dục nuôi dưỡng con sau khi ly hôn.

Vì lợi ích của con chưa thành niên khi cần thiết và có yêu cầu của các bên, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

**Về tài sản chung**: Anh Kim Chanl T được sử dụng 01 căn nhà cấp 4 có diện tích:

Nhà chính: kết cấu móng cột bêtông cốt thép, tường xây gạch D100, nền gạch men, trần thạch cao, tổng diện tích 142,2m$^2$.

Nhà vệ sinh: kết cấu xây tường, mái tol, có hầm tự hoại, diện tích 11,3m$^2$.

Mái che: kết cấu mái lợp tol, đòn tay cột bằng sắt, không vách, nền tráng xi măng diện tích 28m$^2$.

Tất cả được xây dựng trên thửa đất 803, tờ bản đồ số 3, tọa lạc ấp B, xã Đ, huyện D, tỉnh Trà Vinh. Tổng giá trị tài sản chung trên trị giá là 562.931.488 (Năm trăm sáu mươi hai triệu chín trăm ba mươi mốt ngàn bốn trăm tám mươi tám) đồng anh Chanl T phải trả chênh lệch cho chị Si Đ số tiền là 281.465.744 (Hai trăm tám mươi mốt triệu bốn trăm sáu mươi lăm ngàn bảy trăm bốn mươi bốn) đồng.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được Thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền ở trên, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

**Về phần nợ chung:** Nợ anh Lý Phi R số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng anh Chanl T, chị Si Đ và đại diện anh Phi R là chị Sô P thỏa thuận thống nhất anh Chanl T có nghĩa vụ trả cho anh Phi R số tiền này.

Nợ chị Lâm Thị Cẩm N số tiền 30.000.000 (Ba mươi triệu) đồng anh Chanl T, chị Si Đ và chị N thỏa thuận thống nhất chị Si Đ có nghĩa vụ trả cho chị N số tiền này.

Nợ chị Thạch Thị V số tiền 45.500.000 (Bốn mươi lăm triệu năm trăm ngàn) đồng anh Chanl T, chị Si Đ và chị V thỏa thuận thống nhất anh Chanl T có nghĩa trả cho chị V ½ là 22.750.000 (Hai mươi hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng và chi Si Đ có nghĩa trả cho chị V ½ là 22.750.000 (Hai mươi hai triệu bảy trăm năm mươi ngàn) đồng.

Thời gian thực hiện các bên thỏa thuận thực hiện trong giai đoạn Thi hành án.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật và từ ngày người được Thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền ở trên, hàng tháng bên phải thi hành án phải chịu khoản tiền lãi của số tiền chậm thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án theo quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự.

**Về án phí:** anh Kim Chanl T và chị Thạch Thị Si Đ tự nguyện thỏa thuận mỗi người phải chịu 75.000 (Bảy mươi lăm ngàn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Anh Kim Chanl T phải chịu 4.177.697 (Bốn triệu một trăm bảy mươi bảy ngàn sáu trăm chín mươi bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm cho phần tài sản chung được hưởng và nợ chung anh có nghĩa vụ phải trả. Nhưng anh Kim Chanl T được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai thu số 0000626 ngày 16/12/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D nên anh có nghĩa vụ phải nộp tiếp số tiền 3.952.697 (Ba triệu chín trăm năm mươi hai ngàn sáu trăm chín mươi bảy) đồng.

Chị Thạch Thị Si Đ phải chịu 4.177.697 (Bốn triệu một trăm bảy mươi bảy ngàn sáu trăm chín mươi bảy) đồng án phí dân sự sơ thẩm cho phần tài sản chung được hưởng và nợ chung chị có nghĩa vụ phải trả và 75.000 (Bảy mươi lăm ngàn) đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Tổng cộng chị Si Đ có nghĩa vụ phải nộp là 4.252.697 (Bốn triệu hai trăm năm mươi hai ngàn sáu trăm chín mươi bảy) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

Chị Thạch Thị V không phải chịu án phí nên được nhận lại 1.137.500 (Một triệu một trăm ba mươi bảy ngàn năm trăm) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015993 ngày 13/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

Chị Lâm Thị Cẩm N không phải chịu án phí nên được nhận lại 750.000 (Bảy trăm năm mươi ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0015992 ngày 13/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

Anh Lý Phi R không phải chịu án phí nên được nhận lại 750.000 (Bảy trăm năm mươi ngàn) đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0016027 ngày 27/7/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D.

**Về chi phí thẩm định, định giá**: chị Thạch Thị Si Đ đã nộp tạm ứng 3.000.000 (Ba triệu) đồng và đã chi 1.700.000 (Một triệu bảy trăm ngàn) đồng nên chị được nhận lại 1.300.000 (Một triệu ba trăm ngàn) đồng tại Văn phòng Tòa án nhân dân huyện D.

Anh Kim Chanl T có nghĩa vụ nộp lại 850.000 (Tám trăm năm mươi ngàn) đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện D để hoàn trả lại cho chị Thạch Thị Si Đ.

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự*

*nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự".*

***Nơi nhận:***
- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Duyên Hải;
- CCTHADS huyện Duyên Hải;
- UBND xã Phú Cần, huyện Tiểu Cần;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Trầm Thị Thanh Thảo**